

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 02- 06- 2022  
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Em
2. Bà Nguyễn Thị Tua

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022; Thông báo hoãn phiên tòa số: 96/2022/TB-TA ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Mỹ X, sinh năm 1992, địa chỉ: T, huyện V, tỉnh G (có mặt).
2. *Bị đơn:* Anh Tăng Hữu N, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh G (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ X trình bày: Hôn nhân của chị và anh Tăng Hữu N là tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly

hôn với anh Tăng Hữu N; về con chung, giữa chị và anh N có một người con chung có họ tên là Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29/3/2021, do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do từ nơi cư trú đến nơi chị đang làm việc (xã T, huyện C, tỉnh G) có khoảng cách xa nên chị đã thuê nhà trọ gần nơi làm việc để thuận tiện di chuyển đi làm và chăm sóc con, nghề nghiệp của chị là công chức có mức thu nhập ổn định hiện tại 4.027.023 đồng/tháng, do đó khi ly hôn, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng từ ngày Tòa án xét xử đến khi con chung thành niên; về tài sản chung chưa yêu cầu, về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tăng Hữu N, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, anh N thừa nhận hôn nhân của anh với chị X là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, có một người con chung là Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29/3/2021 do chị X đang nuôi dưỡng. Anh thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện tại anh đang cư trú tại ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh G nhưng anh thường xuyên đi thăm vợ con, anh không đồng ý ly hôn với chị X. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh cho rằng tuy con chung dưới 36 tháng tuổi nhưng bản thân anh có điều kiện trực tiếp chăm sóc con tốt hơn chị X, do từ nơi làm việc (thành phố T, tỉnh G) về nơi cư trú có khoảng cách gần hơn chị X, nghề nghiệp của anh là công chức có mức thu nhập ổn định hiện tại là 5.162.850 đồng/tháng, tiền lương của anh cao hơn chị X nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện nuôi con để giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng chị X yêu cầu anh không có ý kiến do anh có khả năng cấp dưỡng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung chưa yêu cầu, về nợ chung không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định; có một người con chung là cháu Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29/3/2021 do chị X đang nuôi dưỡng; về mức cấp dưỡng nguyên đơn yêu cầu, bị đơn thừa nhận có khả năng cấp dưỡng; về tài sản chung chưa yêu cầu, về nợ chung không có.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn; cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Chị Dương Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Tăng Hữu N, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh N có địa chỉ tại ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 29/9/2020, chị Dương Thị Mỹ X với anh Tăng Hữu N xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Dương Thị Mỹ X với anh Tăng Hữu N đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2020, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh S. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ khi chị X sinh con, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt. Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị X với anh N có một người con chung là cháu Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29/3/2021, do chị X đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị X và anh N đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị X và anh N đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và điều kiện để nuôi dưỡng con

chung nhưng cháu Tăng Dương Gia P dưới 36 tháng tuổi và do chị X là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của con chung nên tiếp tục giao cháu Tăng Dương Gia P cho chị X nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi cháu Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29/3/2021 thành niên. Phía anh N thừa nhận có khả năng cấp dưỡng nuôi con như mức cấp dưỡng chị X yêu cầu nên chị X không phải chứng minh. Xét thấy yêu cầu này của chị X là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình nên anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29/3/2021 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác; về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị Mỹ X với anh Tăng Hữu N được ly hôn.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

Giao cháu Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2021 cho chị Dương Thị Mỹ X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

### 3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Tăng Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tăng Dương Gia P, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2021 với số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày tuyên án (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết; về nợ chung không có nên không xem xét.

### 5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001618, ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Án phí cấp dưỡng: Bị đơn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được

tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Châu Hưng, huyện  
Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Quyền Trân**